

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2018/DS-PT

Ngày 31 - 8 - 2018

V/v tranh chấp quyền sử dụng
đất; tài sản gắn liền với đất và
yêu cầu huỷ một phần giấy
chứng nhận quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Đức Châm.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Trung Vân;

Ông Cao Đức Chiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Bà Nông Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét
xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2017/TLPT-DS ngày 11/5/2018 về
việc tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và yêu cầu huỷ một
phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 30 tháng 3 năm 2018
của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 31/2018/QĐ-PT ngày
26 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lý Thị P; cư trú tại: Thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Lạng
Sơn; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lý Văn T; cư trú tại:
Thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn (văn bản ủy quyền ngày 26/6/2018); có
mặt.

- Bị đơn: Ông Lý Văn C (Lý Kim C); cư trú tại: Thôn T, xã H, huyện B,
tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lý Văn C: Ông Lương
Văn C – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng
Sơn; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện B: Ông Hoàng Văn C, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, (Văn bản Ủy quyền 84/GUQ-UBND ngày 29/01/2018 của Ủy ban nhân dân huyện B); có mặt.

2. Ông Lý Văn T1 (Lý Thanh T); cư trú tại: Thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

3. Anh Lý Văn L; cư trú tại: Thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

4. Chị Lý Thị Đ; cư trú tại: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

5. Chị Lý Thị Đ1; cư trú tại: Thôn N, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Lý Văn L, chị Lý Thị Đ, chị Lý Thị Đ1: Ông Lý Văn T; cư trú tại: Thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn (Văn bản ủy quyền ngày 26/6/2018); có mặt.

6. Bà Triệu Thị L; vắng mặt.

7. Ông Lý Viết C; vắng mặt.

8. Ông Lý Văn T1; vắng mặt.

Bà L, ông C, ông T1 cùng cư trú tại: Thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

8. Ông Lý Văn P1; cư trú tại: Thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

9. Bà Lý Thị C; cư trú tại: Thôn K, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

10. Bà Lý Thị T; cư trú tại: Thôn K, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

11. Bà Lý Thị N; cư trú tại: Thôn P, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Ông Chu Mạnh C; vắng mặt.

2. Bà Lý Văn L1; vắng mặt.

Ông C, bà L1 đều cư trú tại: Thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

- Người kháng cáo: Ông Lý Văn C (Lý Kim C) là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản dân sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Gia đình bà Lý Thị P có một thửa đất trồng rừng có tên gọi A, thuộc Thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, quá trình quản lý, sử dụng, canh tác ổn định. Năm 1999 được Ủy ban nhân dân huyện B giao sổ bìa xanh thuộc lô đất số 15, diện tích 2,1ha; năm 2009 được Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 108, tờ bản đồ số 2, địa chỉ Thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; với diện tích 44.456m². Đến năm 2014 thì xảy ra tranh chấp với gia đình ông Lý Văn C, nguyên nhân phát sinh tranh chấp theo bà Lý

Thị P và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phía gia đình bà P cho rằng ông Lý Văn C tự ý chặt một số cây tạp trên đất và lấn chiếm một phần diện tích đất 8400m² của thửa đất số 108, tờ bản đồ số 2, địa chỉ thôn T, xã H, huyện B của gia đình bà Lý Thị P đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất dẫn đến phát sinh tranh chấp.

Ông Lý Văn C và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phía bị đơn công nhận phần diện tích đất đang tranh chấp với gia đình bà Lý Thị P thuộc một phần thửa đất số 108, tờ bản đồ số 2 thuộc A, thôn T, xã H, huyện B, nguyên nhân xảy ra tranh chấp là do trong 02 năm 1994 và 1995 gia đình ông làm nương trồng sắn và trồng xen kê được 170 cây hồi sau đó gia đình tiếp tục tu bổ và quản lý khoảng 01ha, không có tranh chấp với ai và gia đình ông cũng chưa bao giờ đi làm thủ tục đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện nay gia đình bà Lý Thị P yêu cầu gia đình ông phải chấm dứt việc tranh chấp, trả lại phần diện tích đất 8.400m² ông không đồng ý và yêu cầu được tiếp tục quản lý sử dụng với lý do gia đình ông đã trồng hồi trên đất và 02 bụi cây mai do ông Lý Văn B (bố đẻ) của ông trồng và đề nghị hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho gia đình bà Lý Thị P.

Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 22/12/2017 xác định diện tích đất tranh chấp là 8.400m² thuộc một phần thửa đất số 108, tờ bản đồ số 02, xã H, có địa danh A, thôn T, xã H, huyện B; phần diện tích đất này có các cạnh tiếp giáp như sau: Phía Bắc chạy dọc từ đỉnh đồi theo đông đồi xuống đến giáp ruộng của bà Lý Thị P, dài 164m và giáp với phần đất còn lại của thửa 108; Phía đông tiếp giáp với ruộng của bà Lý Thị P có chiều dài 53,6m; Phía tây, tây nam tiếp giáp với phần đất còn lại của thửa đất 108 chạy dọc từ vũng trâu đầm lên đến đỉnh đồi, có chiều dài 61,2m; Phía nam tiếp giáp với phần đất còn lại của thửa đất 108 chạy dọc theo khe cạn xuống giáp ruộng, có chiều dài 141,2m. Trên diện tích đất tranh chấp có một phần đất 696m² đất ông Lý Văn C trồng 42 cây hồi đã trưởng thành, đang cho thu hoạch, mật độ phân bố cây đều hàng, được phát quang toàn bộ khu vực có hồi. Ngoài khu vực có cây hồi còn lại chủ yếu là cây mọc tự nhiên, có các loại kích thước khác nhau. Tại nơi giáp danh đỉnh đồi có 45 cây sớ có kích thước và độ tuổi khác nhau đã cho thu hoạch, do bà Lý Thị P quản lý thu hái hàng năm. Tại khe cạn từ dưới lên có các bụi mai, tre các bên đều thừa nhận chủ tài sản, được đánh số xác định: bụi mai số 1 của ông Lý Văn H, bụi mai số 2 và số 3 của ông Lý Văn C, các bụi mai và tre 4, 5, 6, 7 và 8 là của ông Lý Văn T (chồng bà P) trồng năm 2008; gốc mai số 6 đã bị ông Lý Văn C chặt phá năm 2014 còn gốc chết khô.

Kết quả định giá: Tổng giá trị tài sản là đất và cây có tranh chấp trị giá: 60.624.000,đ (sáu mươi triệu, sáu trăm hai mươi bốn nghìn đồng); tài sản không có tranh chấp trị giá: 2.301.500,đ (hai triệu ba trăm không một nghìn năm trăm đồng).

Theo kết luận giám định tuổi cây hồi ngày 05/01/2018 của Viện khoa học lâm nghiệp Việt Nam, Viện nghiên cứu công nghiệp rừng Bộ môn khoa học: Kết luận cây Hồi có tuổi (18 ± 1).

Quá trình giải quyết và hòa giải tại cấp cơ sở các bên đều thừa nhận kết quả thẩm định và định giá tài sản; về nội dung tranh chấp bà Lý Thị P và ông Lý Văn T đồng ý cắt một phần diện tích đất tranh chấp 696m² có 42 cây hồi cho gia đình ông Lý Văn C quản lý sử dụng, không yêu cầu bồi thường giá trị quyền sử dụng đất nhưng phía gia đình ông Lý Văn C và bà Triệu Thị L không đồng ý, yêu cầu được tiếp tục quản lý sử dụng toàn bộ diện tích đất tranh chấp 8.400m² và yêu cầu được sở hữu toàn bộ tài sản tài sản cây trên đất.

Theo Văn bản số 26/UBND-TNMT ngày 11/01/2018 của Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn: Năm 1999 Ủy ban nhân dân huyện B giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng (bìa xanh), lô số 15, diện tích 2,1 ha, loại trạng thái Ib, theo Quyết định số 123/UB-QĐ ngày 30/7/1999 cho bà Lý Thị P. Việc giao đất được thực hiện theo Nghị định số 163/1999/NĐ-CP ngày 16/11/1999 của Chính phủ về giao đất, cho thuê đất lâm nghiệp cho tổ chức, hộ gia đình và cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích lâm nghiệp. Khi đó hộ bà Lý Thị P có viết đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất và có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã H ngày 08/01/2000 và có Biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất; không thể hiện có hộ ông Lý Văn C sử dụng đất liền kề.

Ngày 29/9/2004 Ủy ban nhân dân huyện B đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 188080 cho hộ bà Lý Thị P diện tích được cấp giấy đúng với vị trí được giao quyền quản lý sử dụng rừng và đất rừng (sổ bìa xanh) tại lô số 15, bản đồ giao đất lâm nghiệp xã H năm 1999, đến năm 2009 bà Lý Thị P làm đơn xin cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được đổi lại từ sổ số Y 188080 thửa đất số 170, diện tích 221.000m² thành sổ AG923067 cấp ngày 07/10/2009 thửa đất 108, diện tích 44.456m². Vị trí cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng với vị trí thửa đất số 170, bản đồ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2004, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Lý Thị P được thực hiện đúng theo trình tự, quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 30/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện B đã quyết định:

Căn cứ các Điều 186; 190; 192; 199; khoản 1 Điều 5; khoản 1 và 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các khoản 2 và 5 Điều 166 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 70 Luật Bảo vệ và Phát triển rừng; khoản 2 Điều 24; khoản 9 Điều 26, các khoản 2 và 4 Điều 91; khoản 1 Điều 161; khoản 1 Điều 165; khoản 1 Điều 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị P.

1.1. Bà Lý Thị P được quản lý sử dụng diện tích đất có tranh chấp là 7.704m² nằm trong thửa 108, tờ bản đồ số 02, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn và các tài sản trên đất gồm: 45 cây sớ, cây tạp và cây lấy củi, 04 bụi mai, 01 bụi tre, đất có các cạnh tiếp giáp như sau:

- Phía bắc chạy dọc từ đỉnh đồi theo đông đồi xuống đến giáp ruộng của bà Lý Thị P, dài 164m và giáp với phần đất còn lại của thửa 108;

- Phía đông tiếp giáp với ruộng của bà Lý Thị P có chiều dài 53,6m;

- Phía tây, tây nam tiếp giáp với phần đất còn lại của thửa đất 108 chạy dọc từ vũng trâu đầm lên đến đỉnh đồi, có chiều dài 61,2m;

- Phía nam tiếp giáp với phần đất còn lại của thửa đất 108 chạy dọc theo khe cạn xuống giáp ruộng, có chiều dài 141,2m. (có sơ họa ngày 22/12/2017 kèm theo).

1.2. Công nhận sự tự nguyện của bà Lý Thị P và các thành viên trong gia đình cắt một phần diện tích đất 696m² có 42 cây hồi cho ông Lý Văn C quản lý sử dụng, không phải thanh toán giá trị quyền sử dụng đất

- Buộc ông Lý Văn C và các thành viên trong gia đình phải chấm dứt tranh chấp phần ngoài diện tích 696m² đất đã trồng 42 cây hồi tại thửa đất số 108, tờ bản đồ số 02 xã H, huyện B.

- Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện B tách phần diện tích đất 696m² đất có 42 cây hồi trong thửa số 108, tờ bản đồ số 02 xã H cho ông Lý Văn C quản lý sử dụng.

1.3. Bác yêu cầu của ông Lý Văn C và bà Lý Thị Lành về yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 923067 ngày 07/10/2009 đã cấp cho bà Lý Thị P đối với phần diện tích đất tranh chấp là 8.400m² tại thửa đất số 108, tờ bản đồ số 02 xã H vì không có căn cứ pháp luật.

1.4. Ông Lý Văn C được quản lý sử dụng 02 bụi mai và ông Lý Văn H được quản lý sử dụng 01 bụi mai trên thửa đất 108, tờ bản đồ số 02, xã H cho đến khi chết lụi và không được trồng mới theo theo tập quán tại địa phương; bà Lý Thị P tiếp tục được quản lý sử dụng đất khi các bụi mai chết lụi

2. Về án phí:

2.1. Buộc ông Lý Văn C phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch là 3.031.000,đ (ba triệu không trăm ba mươi một nghìn đồng).

2.2. Trả lại cho bà Lý Thị P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 800.000,đ (tám trăm nghìn đồng).

3. Về chi phí định giá tài sản:

3.1. Buộc bà Lý Thị P và ông Lý Văn C mỗi người phải chịu một nửa số tiền chi phí định giá tài sản là 1.500.000,đ (một triệu năm trăm nghìn đồng). Xác nhận bà Lý Thị P đã chi là 3.000.000,đ (ba triệu đồng) do vậy buộc ông Lý Văn C phải trả lại cho bà Lý Thị P 1.500.000,đ (một triệu năm trăm nghìn đồng).

4. Về chi phí giám định: Ông Lý Văn C phải chịu 5.745.000,đ (năm triệu bảy trăm bốn mươi năm nghìn) đã nộp đủ.

Ngoài ra, bản án còn tuyên quyền yêu cầu được thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 13/4/2018 ông Lý Văn C có đơn kháng cáo toàn bộ nội dung Bản án sơ thẩm và công nhận quyền sở hữu của gia đình ông đối với toàn bộ tài sản trên đất gồm: Cây hời, cây tạp, cây sớ, 02 bụi mai do bố Lý Văn B trồng. Yêu cầu ông Lý Văn T di dời toàn bộ cây tre, mai đã trồng tại diện tích đất tranh chấp đi nơi khác, trả lại diện tích đất cho gia đình ông tiếp tục quản lý sử dụng.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lý Văn C cho rằng yêu cầu khởi kiện của ông Lý Văn C đưa ra là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông C và đề nghị xem xét miễn giảm án phí cho ông C vì ông C là người dân tộc thiểu số, thuộc công dân xã vùng ba, vùng đặc biệt khó khăn về kinh tế.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý và tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng; các đương sự thực hiện đủ các quyền, nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Ông Lý Văn C kháng cáo trong thời hạn luật định nên là hợp lệ. Xác định diện tích đất tranh chấp 8.400m² thuộc một phần thửa đất số 105, tờ bản đồ số 02 xã H, diện tích 44.456m². Xét nội dung kháng cáo của ông Lý Văn C thấy tại phiên tòa ông Lý Văn C không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ và chứng minh yêu cầu kháng cáo là có căn cứ, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lý Văn C. Về án phí tại phiên tòa ông Lý Văn C có đơn xin miễn giảm tiền án phí và giấy xác nhận của chính quyền địa phương, ông Lý Văn C là người dân tộc thiểu số, thuộc công dân xã vùng ba (vùng đặc biệt có khó khăn theo Quyết định 582/QTTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ). Do đó có căn cứ xem xét miễn toàn bộ án phí cho ông Lý Văn C.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 và khoản 2 Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự xử: Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Lý Văn C; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 30/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn đối với phần án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ; ý kiến của các đương sự, Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa.

[2] Xét đơn kháng cáo của ông Lý Văn C trong thời hạn luật định nên là hợp lệ.

[3] Về nội dung kháng cáo của ông Lý Văn C yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông tiếp tục được quyền quản lý sử dụng 8.400m² đất, thuộc một phần thửa đất số 108, tờ bản đồ số 02, xã H, huyện B và công nhận quyền sở hữu của gia đình ông đối với toàn bộ tài sản trên đất gồm: Cây hời, cây tạp, cây sớ, 02 bụi mai do bố ông là ông Lý Văn B trồng. Yêu cầu ông Lý Văn T di dời toàn bộ cây

tre, mai đã trồng trên đất tranh chấp đi nơi khác, trả lại diện tích đất cho gia đình ông tiếp tục quản lý sử dụng; hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho gia đình bà Lý Thị P.

[4] Xét nội dung kháng cáo của ông Lý Văn C, thấy rằng: Lý do ông Lý Văn C yêu cầu được quản lý 8.400m² đất tranh chấp là do trong hai năm 1994 và 1995 vợ chồng ông được vào khu rừng A, thôn T, xã H, huyện B, khai phá nương trồng sắn và trồng xen kẽ 170 cây hồi, tính đến thời điểm xảy ra tranh chấp là trên 22 năm, từ đó gia đình vẫn thường xuyên tu bổ và quản lý rừng, không có ai tranh chấp; ông Lý Văn C cũng thừa nhận diện tích đất đang tranh chấp ông chưa bao giờ đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cho rằng gia đình bà Lý Thị P được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (ngày 30/7/1999) là sau khi ông đã trồng hồi và ông Lý Văn C có yêu cầu lấy mẫu cây hồi để đi giám tuổi cây.

[5] Căn cứ vào kết quả giám định tuổi cây ngày 05/01/2018 của Bộ môn khoa học gỗ Viện nghiên cứu cây công nghiệp rừng thuộc Viện khoa học lâm nghiệp Việt Nam cây hồi có tuổi (18 ± 1) năm. Như vậy xét về tuổi cây hồi được xác định trồng vào cuối năm 2001 là có căn cứ khoa học, việc ông Lý Văn C khai trồng vào năm 1994 và 1995 là không có căn cứ.

[6] Theo biên bản xác minh tại Hạt kiểm lâm huyện B, năm 1994 ông Lý Văn C đã kê khai và được giao đất lô 72, diện tích 1,5 ha, địa danh B, thôn B, xã H và năm 1999 đăng ký kê khai và được giao lô 36, diện tích 1,8 ha, địa danh P, xã H; bà Lý Thị P kê khai lô 15, diện tích 2,1 ha, địa danh A, thôn T, xã H, không cùng địa danh với lô đất của gia đình ông Lý Văn C. Bà Lý Thị P được giao quyền sử dụng đất (sổ bìa xanh) ngày 30/7/1999 là trước thời điểm gia đình ông Lý Văn C phát lần chiếm trồng hồi. Năm 2002 bà Lý Thị P phát hiện việc ông Lý Văn C trồng hồi nên đã xảy ra tranh chấp, sau đó được chính quyền thôn giải quyết nhưng chưa dứt điểm, điều này phù hợp với lời khai của người làm chứng ông Lý Văn L1 nguyên là Trưởng thôn T, xã H, huyện B. Khi giải quyết tranh chấp đất gia đình bà Lý Thị P không có ý kiến gì về việc phải di dời cây hồi đã trồng trên đất, mặc nhiên thừa nhận số cây hồi trồng trên đất là của gia đình ông Lý Văn C, đến nay cây hồi đã to không thể di dời đi nơi khác trồng được. Tại phiên tòa sơ thẩm bà Lý Thị P, ông Lý Văn T cùng các thành viên trong gia đình đã thống nhất thỏa thuận tự nguyện để cho gia đình ông C được quản lý sử dụng phần diện tích đất 696m² có 42 cây hồi và không yêu cầu phải thanh toán giá trị quyền sử dụng đất, yêu cầu ông Lý Văn C phải chấm dứt việc tranh chấp đất với gia đình bà Lý Thị P. Xét thấy yêu cầu khởi kiện và nội dung tự nguyện của bà Lý Thị P và các thành viên trong gia đình là ông Lý Văn T, anh Lý Văn L, chị Lý Thị Đ, chị Lý Thị Đ1 là tự nguyện không trái đạo đức xã hội và không trái với quy định của pháp luật đất đai nên Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị P là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên phần quyết định của bản án sơ thẩm không tuyên phần danh giới tứ cận cụ thể của 696m² đất có 42 cây hồi dẫn đến khó khăn cho công tác thi hành án. Do vậy cấp phúc thẩm xét thấy cần phải bổ sung cho phù hợp để đảm bảo thi hành án.

[7] Tại biên bản xác minh thực tế hiện trường ngày 07/8/2018 đã xác định được diện tích đất 696m² có 42 cây hồi, được thể theo sơ họa là hình chữ nhật được đánh số thứ tự theo các điểm là A, B, C, D và có các cạnh được xác định trên cơ sở kết quả thẩm định ngày 22/12/2017 cụ thể như sau: AB = CD = 24m; BC = AD = 29m. Điểm mốc cố định được xác định là điểm E (bờ ruộng của bà Lý Thị P, nơi tiếp giáp với khe cạn phía đông của khu vực đất có tranh chấp), từ điểm B kéo thẳng đến điểm E gọi là BE = 81m; từ điểm A kéo thẳng đến điểm E gọi là AE = 91m; điểm F là điểm giữa khe cạn kéo thẳng đến điểm A gọi là FA = 13m (có sơ họa kèm theo).

[8] Việc ông Lý Văn C kháng cáo yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình bà Lý Thị P thuộc thửa đất số 108, tờ bản đồ số 02, xã H, diện tích 8.400m² là không có căn cứ. Nhận định này phù hợp với quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[9] Về án phí: Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn ông Lý Văn C có đơn xin miễn giảm tiền án phí và giấy xác chứng nhận thuộc công dân xã vùng ba (vùng đặc biệt có khó khăn theo Quyết định 582/QTTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ). Do đó Hội đồng xét xử xét thấy theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH4 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: ông Lý Văn C được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm. Do vậy cần sửa Bản án dân sự sơ thẩm; miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho ông Lý Văn C, việc sửa án là do phát sinh tình tiết mới.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; khoản 2 Điều 309; khoản 9 Điều 26; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 161; khoản 1 Điều 165; khoản 1 Điều 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 186, 190, 192, 194, 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2, 5 Điều 166 Luật Đất đai năm 2013. Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Lý Văn C; sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 30/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện B, cụ thể:

1. Về quyền quản lý, sử dụng đất và cây trên đất:

1.1. Bà Lý Thị P được quyền quản lý sử dụng một phần diện tích đất chấp là 7.704m² tại thửa đất 108, tờ bản đồ số 02 xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 923067, ngày 07/10/2009 cho hộ gia đình bà Lý Thị P và sở hữu các cây trên đất gồm: 45 cây sớ, cây tạp, cây lấy củi, 04 bụi mai, 01 bụi tre; phần diện tích đất có các cạnh tiếp giáp như sau:

- Phía bắc chạy dọc từ đỉnh đồi theo đông đồi xuống đến giáp ruộng của bà Lý Thị P, dài 164m và giáp với phần đất còn lại của thửa 108;
- Phía đông tiếp giáp với ruộng của bà Lý Thị P có chiều dài 53,6m;
- Phía tây, tây nam tiếp giáp với phần đất còn lại của thửa đất 108 chạy dọc từ vũng trâu đầm lên đến đỉnh đồi, có chiều dài 61,2m;
- Phía nam tiếp giáp với phần đất còn lại của thửa đất 108 chạy dọc theo khe cạn xuống giáp ruộng, có chiều dài 141,2m. (có sơ họa ngày 22/12/2017 kèm theo).

1.2. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lý Thị P, các thành viên trong gia đình: ông Lý Văn T, anh Lý Văn L, chị Lý Thị Đ, chị Lý Thị Đ1: Ông Lý Văn C quản lý sử dụng đối với diện tích đất 696m² và sở hữu 42 cây hồi trên đất. Phần diện tích đất 696m² được giới hạn bởi các điểm A, B, C, D tạo thành các cạnh như sau: AD = BC = 29m; cạnh CD = AB = 24m; điểm E, F được xác định là điểm mốc cố định; điểm E là điểm giữa tiếp giáp với bờ ruộng của bà Lý Thị P thuộc phía Đông của khu vực đất có tranh chấp kéo thẳng theo hướng Bắc đến điểm B gọi EB = 81m; từ điểm E kéo thẳng theo hướng Nam đến điểm A gọi là EA = 91m; điểm F là điểm cố định giữa khe cạn hướng Nam kéo thẳng đến điểm A gọi là FA = 13m. (có sơ họa ngày 07/8/2018 kèm theo).

1.3. Bà Lý Thị P và ông Lý Văn C có quyền và nghĩa vụ thực hiện việc đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

1.4. Bác yêu cầu của ông Lý Văn C đề nghị hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 923067 ngày 07/10/2009 đã cấp cho hộ bà Lý Thị P vì không có căn cứ pháp luật.

1.5. Ông Lý Văn C được sở hữu 02 bụi mai; ông Lý Văn H được sở hữu 01 bụi mai trên thửa đất 108, tờ bản đồ số 02, xã H cho đến khi chết lụi và không được trồng mới theo theo tập quán tại địa phương; bà Lý Thị P tiếp tục được quản lý sử dụng đất khi các bụi mai chết lụi.

2. Về án phí:

2.1. Ông Lý Văn C không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm. Hoàn trả lại cho ông Lý Văn C số tiền 300.000, đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2012/02446 ngày 19/4/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

2.2. Bà Lý Thị P không phải chịu tiền án phí. Trả lại cho bà Lý Thị P số tiền tạm ứng án phí đã nộp 800.000, đ (tám trăm nghìn đồng), theo Biên lai thu tiền số AA/2012/02384 ngày 03/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

3. Về chi phí định giá tài sản:

Bà Lý Thị P và ông Lý Văn C mỗi người phải chịu một nửa số tiền chi phí định giá tài sản là 1.500.000, đ (một triệu năm trăm nghìn đồng). Xác nhận

bà Lý Thị P đã nộp 3.000.000,đ (ba triệu đồng). Buộc ông Lý Văn C phải trả lại cho bà Lý Thị P 1.500.000,đ (một triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bà Lý Thị P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Lý Văn C chưa trả đủ số tiền thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định của Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về chi phí giám định: Ông Lý Văn C phải chịu 5.745.000,đ (năm triệu bảy trăm bốn mươi năm nghìn đồng). Xác nhận ông Lý Văn C đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND H. B tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS H. B, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa dân sự;
- HCTP; KTNV&THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Đức Châm